

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG THÁP

Số: 218 /TB-QLTTĐT

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-QLTTĐT ngày 18/3/2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp xin thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá:

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, Địa chỉ: Số 155 đường Phù Đồng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Tên tài sản bán đấu giá: Tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu, gồm 05 lô hàng, cụ thể: (bảng kê đính kèm)

Lô 1: Lô phụ kiện điện thoại. Tổng trị giá: 37.180.000 đồng.

Lô 2: Lô cục nguồn, phiếu thoát sàn, lúp bê nước. Tổng trị giá: 33.550.000 đồng.

Lô 3: Lô xe đạp, xe đạp điện. Tổng trị giá: 22.500.000 đồng.

Lô 4: Lô ổ khóa cửa, mắt kính các loại. Tổng trị giá: 25.210.000 đồng.

Lô 5: Lô loa bass. Tổng trị giá: 37.000.000 đồng.

3. Giá khởi điểm của toàn bộ tài sản bán đấu giá là: 155.440.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá:

- Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản số: 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp. (Phụ lục I đính kèm)

- Phân điểm cộng 5 điểm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022, cụ thể như sau:

+ Tổ chức đấu giá nào có kinh nghiệm đấu giá từ 4 năm trở lên được cộng 2 điểm, từ 3 năm đến dưới 4 năm được cộng 1,5 điểm, dưới 3 năm được cộng 1 điểm.

+ Tổ chức đấu giá nào có số tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề cao nhất (trừ thuế giá trị gia tăng): cộng 1 điểm.

+ Tổ chức đấu giá nào có mức thù lao dịch vụ đấu giá thấp nhất: cộng 2 điểm.

5. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:

Kể từ ngày 27/3/2024 đến ngày 01/4/2024 (Trong giờ hành chính) nếu các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu thì nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: Số 155 đường Phù Đồng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*** Lưu ý:**

- Không hoàn lại hồ sơ đối với đơn vị có hồ sơ không được lựa chọn.
- Bán nguyên trạng tài sản, người được quyền mua tài sản tự chịu trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung các thủ tục cần thiết theo quy định nếu đưa hàng hóa ra lưu thông trên thị trường.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./. *Năm*

Nơi nhận:

- Cục trưởng (b/c);
- Công TTĐT Cục;
- Niêm yết tại trụ sở Cục;
- Công TTĐTQG về ĐGTS;
- Lưu: VT, NVTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Huệ



TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP

BẢNG KÊ TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU XỬ LÝ BÁN ĐẦU GIÁ

(Kèm theo thông báo số: 218 /TB-QLTTĐT ngày 26 tháng 03 năm 2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp)

ST T	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
I. Lô phụ kiện điện thoại						Tổng trị giá lô hàng:					37.180.000
1	Đội QLTT số 2	49020069/Q Đ-XPHC	06/11/2023	Kính cường lực	TEMPERED GLASS 5G+21H	Trung Quốc	CQSD	Cái	65	20.000	1.300.000
2	Đội QLTT số 2	49020079/Q Đ-XPHC	08/12/2023	Kính cường lực điện thoại di động	TEMPERED GLASS	Trung Quốc	CQSD	Cái	40	20.000	800.000
				Kính cường lực điện thoại di động	GLASS PRO+	Trung Quốc	CQSD	Cái	20	20.000	400.000
3	Đội QLTT số 2	49020083/Q Đ-XPHC	13/12/2023	Kính cường lực điện thoại di động	KasL	Trung Quốc	CQSD	Cái	200	15.000	3.000.000
4	Đội QLTT số 4	49040073/Q Đ-XPHC	16/11/23	Ốp lưng điện thoại di động	Nhãn hiệu iP Xr (6.1)	Trung Quốc	CQSD	Cái	4	20.000	80.000
				Ốp lưng điện thoại di động	Nhãn hiệu S23 Ultra	Trung Quốc	CQSD	Cái	4	20.000	80.000
				Ốp lưng điện thoại di động	Nhãn hiệu SM A34 5G	Trung Quốc	CQSD	Cái	2	20.000	40.000
				Ốp lưng điện thoại di động	Nhãn hiệu S21 FE	Trung Quốc	CQSD	Cái	4	20.000	80.000
				Kính cường lực điện thoại di động	Nhãn hiệu KasL Tempered Glass, loại hộp/10 cái	Trung Quốc	CQSD	Hộp	7	200.000	1.400.000
				Kính cường lực điện thoại di động	Nhãn hiệu Glass EDGETOEDGE, loại hộp/10 cái	Trung Quốc	CQSD	Hộp	5	200.000	1.000.000
5	Đội QLTT số 3	49030134/Q Đ-XPHC	29/8/23	Ốp lưng điện thoại di động	Không nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	100	60.000	6.000.000



ST T	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
6	Đội QLTT số 3	49030148/QĐ-XPHC	4/10/23	Ốp lưng điện thoại di động	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	80	45.000	3.600.000
7	Đội QLTT số 3	49030151/QĐ-XPHC	19/10/23	Ốp lưng điện thoại di động các loại	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	50	50.000	2.500.000
8	Đội QLTT số 3	49030153/QĐ-XPHC	17/10/23	Kính cường lực điện thoại di động	KINGKONG GLASS	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	100	35.000	3.500.000
9	Đội QLTT số 3	49030157/QĐ-XPHC	16/10/23	Ốp lưng điện thoại di động	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	80	50.000	4.000.000
				Đèn tín hiệu	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	60.000	600.000
10	Đội QLTT số 3	49030158/QĐ-XPHC	19/10/23	Ốp lưng điện thoại di động các loại	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	100	40.000	4.000.000
11	Đội QLTT số 3	49030163/QĐ-XPHC	31/10/23	Ốp lưng điện thoại di động	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	80	60.000	4.800.000
II. Lô cục nguồn, phiếu thoát sàn, lúp bê nước,..						Tổng trị giá lô hàng:				33.550.000	
1	Đội QLTT số 4	49040078/QĐ-XPHC	13/12/23	Loa phóng tiêu (cầm tay)	Nhãn hiệu MEGAPHONE – PRAIRIE FIRE (mã số: MS-16-004)	Trung Quốc	CQSD	Cái	4	200.000	800.000
				Cục nguồn	Nhãn hiệu POWER ADAPTER (AC 110-240V)	Trung Quốc	CQSD	Cục	10	50.000	500.000
2	Đội QLTT số 4	49040087/QĐ-XPHC	27/12/23	Phiếu thoát sàn	Nhãn hiệu FLOOR DRAIN, loại 15x15	Trung Quốc	CQSD	Cái	100	40.000	4.000.000
3	Đội QLTT số 1	49010140/QĐ-XPHC	15/11/23	Vòi máy lọc nước	Faucet	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	08	150.000	1.200.000
				Máy bắn tia laser	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	01	2.000.000	2.000.000

ST T	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
4	Đội QLTT số 3	49030132/Q Đ-XP HC	25/8/23	Bóng đèn led	ROKO, loại 7W	Trung Quốc	CQSD	Cái	20	20.000	400.000
				Máy massage cầm tay	AE-8782	Trung Quốc	CQSD	Cái	05	50.000	250.000
				Quạt điện	Mini Fan, loại cầm tay	Trung Quốc	CQSD	Cái	05	50.000	250.000
				Quạt điện	Folding Storage, Model: FS-21	Trung Quốc	CQSD	Cái	05	50.000	250.000
				Máy xay sinh tố	HM-03, loại: 380 ml	Trung Quốc	CQSD	Cái	10	100.000	1.000.000
5	Đội QLTT số 1	49010147/Q Đ-XP HC	24/11/23	Ty phuộc xe máy	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	cặp	20	150.000	3.000.000
				Bồ thắng	BRAKE SHOE	Không rõ NGXX	CQSD	cái	20	50.000	1.000.000
				Bóng đèn led	Nhãn hiệu LED	Không rõ NGXX	CQSD	cái	8	200.000	1.600.000
6	Đội QLTT số 3	49030133/Q Đ-XP HC	25/8/23	Lúp bê nước	không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	140	50.000	7.000.000
				Vòng bi (ổ đỡ trục)	IKF, ký hiệu: UCP204, Không nguồn gốc, xuất xứ	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	20	120.000	2.400.000
				Súng xịt nước	LY, Không nguồn gốc, xuất xứ	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	80.000	800.000
				Súng bắn hơi	Boter, Không nguồn gốc, xuất xứ	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	40.000	400.000
7	Đội QLTT số 3	49030136/Q Đ-XP HC	5/9/23	Béc cắt gió đá	KOIKE-HV, model 106HC	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	30	70.000	2.100.000
				Phốt nổi thủy lực	Floating Seals, ký hiệu SG 0900B	Không rõ NGXX	CQSD	Hộp	10	150.000	1.500.000
8	Đội QLTT số 3	49030140/Q Đ-XP HC	15/9/23	IC điện tử	MOBIN	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	170.000	1.700.000
				Piston động cơ máy nổ	KAIHAI	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	80.000	800.000
				Bình xăng con	FTLB	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	02	300.000	600.000

ST T	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
III. Lô xe đạp, xe đạp điện						Tổng trị giá lô hàng:					22.500.000
1	Đội QLTT số 3	49030010/Q Đ-TT	29/8/23	Xe đạp	GIOS, màu xanh	Không rõ NGXX	Đã qua sử dụng	Chiếc	01	500.000	500.000
				Xe đạp	NASCI, màu đen	Không rõ NGXX	Đã qua sử dụng	Chiếc	01	500.000	500.000
				Xe đạp	Không nhãn hiệu, màu trắng	Không rõ NGXX	Đã qua sử dụng	Chiếc	01	500.000	500.000
2	Đội QLTT số 3	49030166/Q Đ-XPHC	16/11/23	Xe đạp điện	GOOD, Ký hiệu: GS48V450W230613186, màu đen, không có bình ắc quy và bộ sạc kèm theo xe	Không rõ NGXX	CQSD	Chiếc	01	10.500.000	10.500.000
				Xe đạp điện	GOOD, Ký hiệu: HJ48V450W2305293368, màu vàng, không có bình ắc quy và bộ sạc kèm theo xe	Không rõ NGXX	CQSD	Chiếc	01	10.500.000	10.500.000
IV. Lô ổ khóa cửa, mắt kính các loại						Tổng trị giá lô hàng:					25.210.000
1	Đội QLTT số 4	49040071/Q Đ-XPHC	13/11/23	Ổ khóa cửa	Nhãn hiệu KSAITE, loại tay cầm	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	2	950.000	1.900.000
				Ổ khóa cửa	Nhãn hiệu TOP POWER, loại tay cầm	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	7	650.000	4.550.000
2	Đội QLTT số 4	49040079/Q Đ-XPHC	13/12/23	Ổ khóa	Nhãn hiệu Zsolex Pro	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	7	95.000	665.000
				ổ khóa	Nhãn hiệu BIGROW	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	7	375.000	2.625.000
3	Đội QLTT số 4	49040080/Q Đ-XPHC	14/12/23	Ổ khóa	Nhãn hiệu LiWin, loại size 38 mm	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	80	35.000	2.800.000

ST T	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
4	Đội QLTT số 4	49040075/Q Đ-XP HC	20/11/23	Mắt kính	Nhãn hiệu ZESTAR	Hàn Quốc	CQSD	Cái	12	50.000	600.000
5	Đội QLTT số 3	49030162/Q Đ-XP HC	30/10/23	Kính mát nam	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	60	60.000	3.600.000
6	Đội QLTT số 4	49040074/Q Đ-XP HC	20/11/23	Mắt kính	Nhãn hiệu SHADI, loại tròng nhựa	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	22	385.000	8.470.000
V. Lô loa bass						Tổng trị giá lô hàng:					37.000.000
1	Đội QLTT số 4	49040002/Q Đ-XP HC	08/01/24	Thùng loa bass	Nhãn hiệu MARTIN AUDIO LONDON	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	2	7.000.000	14.000.000
				Loa bass	Nhãn hiệu MT15-1	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	3	5.000.000	15.000.000
				Loa bass	Nhãn hiệu IMPEDANCE	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	1	4.000.000	4.000.000
				Loa bass	Nhãn hiệu IMPEDANCE	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	1	4.000.000	4.000.000

Ghi chú:

CQSD: Chưa qua sử dụng

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG THÁP
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
CỦA CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
(Theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0



5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0

4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0



V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện